

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC
QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số: 1676 /QĐ-UBND ngày 23 /7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ
THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (04 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp, cơ quan Công an, Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp, Chủ tịch nước
2	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
3	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	
4	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp, cơ quan Công an và các tổ chức, đơn vị có liên quan

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (04 TTHC)

Các cụm từ viết tắt:

- | | |
|--------------------------------------|-------------|
| - Trung tâm Phục vụ hành chính công: | TTPVHCC. |
| - Thủ tục hành chính: | TTHC |
| - Tiếp nhận và trả kết quả: | TN&TKQ |
| - Nhân viên bưu điện: | NVBĐ |
| - Phòng Nghiệp vụ II: | Phòng NV II |

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)

1. Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **45 ngày**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng NV II. 	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC/NVBD	01 ngày	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NV II	01 ngày	
B3	Thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, tham mưu văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, tham mưu trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh phối hợp thực hiện xác minh. 	Chuyên viên Phòng NV II	15 ngày	
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	02 ngày	
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	
B6	Xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Cơ quan Công an	10 ngày	
B7	Tổng hợp kết quả xác minh; dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng NV II	02 ngày	
B8	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	02 ngày	
B9	Duyệt hồ sơ, ký văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B10	Xem xét, ký văn bản trình Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	10 ngày	
B11	Kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	30 ngày	Không tính thời gian giải quyết TTHC tại địa phương
B12	Xem xét, quyết định	Chủ tịch nước	30 ngày	
B13	- Trả kết quả giải quyết TTHC. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết tại địa phương			45 ngày	

2. Nhóm 02 TTHC, gồm:

2.1. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

2.2. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **24 ngày**

(Thời gian thực hiện theo quy định tại địa phương: 35 ngày; thời gian đã cắt giảm: 11 ngày)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng NV II.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC/NVBD	0,5 ngày	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NV II	0,5 ngày	
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, tham mưu văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, tham mưu trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng NV II	3,5 ngày	

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh phối hợp thực hiện xác minh.			
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	01 ngày	
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0,5 ngày	
B6	Xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Cơ quan Công an	10 ngày	
B7	Tổng hợp kết quả xác minh; dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng	Chuyên viên Phòng NV II	02 ngày	
B8	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	0,5 ngày	
B9	Duyệt hồ sơ, ký văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0,5 ngày	
B10	Xem xét, ký văn bản trình Bộ Tư pháp	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày	
B11	Kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, gửi thông báo bằng văn bản cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài và đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	30 ngày	Không tính thời gian giải quyết TTHC tại địa phương
B12	Xem xét, quyết định	Chủ tịch nước	20 ngày	
B13	- Trả kết quả giải quyết TTHC. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết tại địa phương			24 ngày	

3. Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

3.1. Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam

Tổng thời gian thực hiện TTHC tại địa phương: **18 ngày làm việc**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng NV II.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC/NVBD	01 ngày	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NV II	01 ngày	
B3	Thẩm định hồ sơ: dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra.	Chuyên viên Phòng NV II	02 ngày	
B4	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	02 ngày	
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản đề nghị Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 ngày	
B6	Xác minh, kiểm tra và gửi kết quả cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các tổ chức, đơn vị có liên quan	05 ngày	
B7	Tổng hợp kết quả xác minh, dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng NV II	02 ngày	
B8	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	01 ngày	
B9	Duyệt hồ sơ/ký văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	
B10	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	01 ngày	
B11	- Trả kết quả giải quyết TTHC. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc	

3.2. Trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam

Tổng thời gian thực hiện TTHC tại địa phương: 53 ngày làm việc

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng NV II.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC/NVBD	01 ngày	
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng NV II	01 ngày	
B3	Thẩm định hồ sơ: dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra.	Chuyên viên Phòng NV II	03 ngày	
B4	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	02 ngày	
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản đề nghị Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành xác minh, kiểm tra	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 ngày	
B6	Xác minh, kiểm tra và gửi kết quả cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp, Công an tỉnh và các tổ chức, đơn vị có liên quan	30 ngày	
B7	Tổng hợp kết quả xác minh, dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng NV II	10 ngày	
B8	Xem xét văn bản của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng NV II	02 ngày	
B9	Duyệt hồ sơ/ký văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	
B10	Phát hành văn bản	Văn thư Sở	01 ngày	
B11	- Trả kết quả giải quyết TTHC. - Thống kê, theo dõi.	Công chức TN&TKQ tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			53 ngày làm việc	